TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2018/HS-ST
Ngày: 24 -7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Trần Thị Phúc;

2- Ông Đinh Hữu Cải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2018/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2018; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Ngô Thị C, sinh năm 1969; tại Bình Dương; nơi cư trú: Tổ 10, ấp Tân Đ, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn L (đã chết) và bà Võ Thị Tr (đã chết); bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn N, sinh năm 1955 (đã chết); con có 03 người lớn nhất sinh năm 1984 nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2018 cho đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; tại Tây Ninh; nơi cư trú: Tổ 27, ấp Tân Đ, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961; bị cáo có chồng tên Lê Tấn T, sinh năm 1987; con có 01 người sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2018 cho đến nay (có mặt).

3. Đoàn Thị S, sinh năm 1972; tại Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 7, ấp Phước H, xã Suối Đ, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: Số 12, Khu phố 4, thị trấn Dương Minh C, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; nghề

nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn X, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1952; bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 (đã ly hôn năm 2007); con có 02 người lớn nhất sinh năm 1994 nhỏ nhất sinh năm 1996; Chồng sau tên Nguyễn Văn C, sinh năm 1974 và có 01 con chung sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 84/2007/HSST ngày 30/11/2007 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p, l khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đoàn Thị S 03 (ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù được tính từ ngày 03/9/2007. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và nộp tiền án phí xong ngày 27/9/2008, bị cáo được xóa án tích xong.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2018 cho đến nay (có mặt).

4. Đoàn Thị S1, sinh năm 1976; tại Tây Ninh; nơi cư trú: Số 78, hẽm 23, khu phố 1, thị trấn Dương Minh C, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết); bị cáo có chồng tên Nguyễn Trọng N, sinh năm 1986; con có 04 người lớn nhất sinh năm 1997 nhỏ nhất sinh năm 2007; Chồng trước tên Trần Quốc S, sinh năm 1972, có 01 con chung sinh năm 2007 (đã ly hôn); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số: 144/2005/HSST ngày 30/12/2005 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành Phố Hồ Chí Minh. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đoàn Thị S1 03 (sáu) tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản". Bị cáo chấp hành xong hình phạt và nộp tiền án phí ngày 14/3/2006. Bị cáo được xóa án tích.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2018 cho đến nay (có mặt).

Người bị hại:

1. Chị Trần Thị Diễm M, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Tân L, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2. Chị Trần Thị Y, sinh năm 1987; Ấp Phú T, xã Phú T, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp Lộc T, xã Lộc H, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

4. Chị Lê Thị Mai D, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp Tân X, xã Tân P, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

5. Chị Hứa Thị Lệ X, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp Tân Đ, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Thị C lấy chồng và sinh sống tại nước Trung Quốc từ năm 2010, trong quá trình sinh sống tại Trung Quốc bị cáo C biết được một số đàn ông Trung Quốc có nhu cầu lấy vợ người Việt Nam nên C về Việt Nam trực tiếp tuyển chọn phụ nữ Việt Nam đồng thời thoả thuận cấu kết với Nguyễn Thị T, Đoàn Thị S, Đoàn Thị S1 cùng Trần Thị S2 để tuyển chọn phụ nữ Việt Nam đưa sang Trung Quốc bán cho đàn ông Trung Quốc mua làm vợ với số tiền bình quân 90.000.000 đồng/01 phụ nữ. Số tiền này C chi phí và trả cho các gia đình các phụ nữ 60.000.000 đồng/01 phụ nữ số tiền còn lại theo thoả thuận T, S1, S và S2 nếu giới thiệu được 01 người phụ nữ đưa sang Trung Quốc sẽ được trả tiền công 5.000.000 đồng/01 phụ nữ. Sau khi tuyển chọn được người thì C trực tiếp về Việt Nam đưa người sang Trung Quốc qua Cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 16/01/2018, bị cáo S đã tuyển chọn được Trần Thị Diễm M, sinh năm 1993; ngụ ấp Tân T, xã Tân L, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; bị cáo S2, bị cáo S đã tuyển chọn được Trần Thị Y, sinh năm 1987; ngụ ấp Phú T, xã Phú T, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp giao cho bị cáo C bán sang Trung Quốc. bị cáo C tự tuyển chọn được Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1985 ngụ ấp Lộc T, xã Lộc H, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Trong lúc bị cáo C đưa M, Y, Đ ra bến xe Miền Đông, Thành Phố Hồ Chí Minh để đưa ra Cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh sang bán cho đàn ông Trung Quốc làm vợ thì bị Công an tỉnh Tây Ninh phối hợp với Cục cảnh sát hình sự - Bộ Công an bắt quả tang.

Trong quá trình điều tra các bị cáo Ngô Thị C còn khai nhận từ năm 2013 đến năm 2018 thông qua môi giới và tuyển chọn đã tuyển chọn 08 phụ nữ Việt Nam đưa sang Trung Quốc bán cho đàn ông Trung Quốc làm vợ cụ thể:

1. Hứa Thị Lệ X, sinh năm 1990, ngụ ấp Tân Đ, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh do bị cáo C trực tiếp tuyển chọn đưa sang Trung Quốc bán được số tiền là 30.000 nhân dân tệ tiền Trung Quốc tương đương với khoảng 90.000.000 đồng tiền Việt Nam. Trong đó C chuyển về cho gia đình chị Xuân 60.000.000 đồng trừ vào số tiền chi phí đưa chị X sang Trung Quốc hết 10.000.000 đồng số tiền còn lại 20.000.000 đồng C hưởng lợi.

2. Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1986, ngụ ấp Tân Đ, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh do bị cáo C trực tiếp tuyển chọn đưa sang Trung Quốc bán được số tiền là 26.000 nhân dân tệ tiền Trung Quốc tương đương 78.000.000 đồng tiền Việt Nam. Sau đó C nhờ con dâu mình là Kiều Mộng N, sinh năm 1987 ngụ ấp Tân Đ, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh chuyển cho gia đình chị O số tiền 60.000.000 đồng, trừ

chi phí đưa chị O sang Trung Quốc hết 10.000.000 đồng số tiền còn lại 8.000.000 đồng C hưởng lợi.

3. Kiều Mộng T, sinh năm 1981, ngụ ấp Tân Đ, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh do bị cáo C trực tiếp tuyển chọn đưa sang Trung Quốc bán được số tiền là 24.000 nhân dân tệ tiền Trung Quốc tương đương 72.000.000 đồng tiền Việt Nam. C chuyển cho gia đình chị T số tiền 50.000.000 đồng, trừ chi Phí đưa chị T sang Trung Quốc hết 10.000.000 đồng số tiền còn lại 12.000.000 đồng C hưởng lợi.

4. Lương Kim N, sinh năm 1983, ngụ khu phố Thạnh L, phường An T, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương do bị cáo C trực tiếp tuyển chọn đưa sang Trung Quốc bán được số tiền là 30.000 nhân dân tệ tiền Trung Quốc tương đương với khoảng 90.000.000 đồng tiền Việt Nam. Trong đó C chuyển về cho gia đình chị N 70.000.000 đồng trừ vào số tiền chi phí đưa chị N sang Trung Quốc hết 20.000.000 đồng, C không được hưởng lợi.

5. Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1989, ngụ ấp Tân Đ, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh do bị cáo C trực tiếp tuyển chọn đưa sang Trung Quốc bán được số tiền là 26.000 nhân dân tệ tiền Trung Quốc tương đương với khoảng 78.000.000 đồng tiền Việt Nam. Trong đó C chuyển về cho gia đình chị N 60.000.000 đồng trừ vào số tiền chi phí đưa chị N sang Trung Quốc hết 10.000.000 đồng số tiền còn lại 8.000.000 đồng C hưởng lợi.

6. Nguyễn Thị Cẩm N1, sinh năm 1989, ngụ ấp Tân Đ, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh do bị cáo T trực tiếp tuyển chọn giao cho bị cáo C đưa sang Trung Quốc bán được số tiền là 28.000 nhân dân tệ tiền Trung Quốc tương đương với khoảng 84.000.000 đồng tiền Việt Nam. Trong đó C chuyển về cho gia đình chị N1 65.000.000 đồng, trả tiền công cho bị cáo T 5.000.000 đồng, trừ vào số tiền chi phí đưa chị N1 sang Trung Quốc hết 10.000.000 đồng số tiền còn lại 4.000.000 đồng C hưởng lợi.

7. Lê Thị Mai D, sinh năm 1984, ngụ ấp Tân X, xã Tân P, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh do bị cáo T trực tiếp tuyển chọn giao cho bị cáo C đưa sang Trung Quốc bán được số tiền là 26.000 nhân dân tệ tiền Trung Quốc tương đương với khoảng 78.000.000 đồng tiền Việt Nam. Trong đó C chuyển về cho gia đình chị D 50.000.000 đồng, trả tiền công cho T 5.000.000 đồng, trừ vào số tiền chi phí đưa chị D sang Trung Quốc hết 10.000.000 đồng số tiền còn lại 13.000.000 đồng C hưởng lợi. Đến ngày 20/8/2017 Lê Thị Mai D trốn về Việt Nam làm đơn tố cáo Ngô Thị C và Nguyễn Thị T tại cơ quan công an.

8. Triệu Thị T, sinh năm 1977, ngụ ấp Tân Đ, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh do Trần Thị S2 trực tiếp tuyển chọn giao cho bị cáo C đưa sang Trung Quốc bán được số tiền là 24.000 nhân dân tệ tiền Trung Quốc tương đương với khoảng 72.000.000 đồng tiền Việt Nam. Trong đó C chuyển về cho gia đình chị T 45.000.000 đồng, trả tiền công cho S2 5.000.000 đồng (Thông qua con gái của S2 tên Tiên đang ở

Trung Quốc không rõ nhân thân và địa chỉ), trừ vào số tiền chi phí đưa chị T sang Trung Quốc hết 10.000.000 đồng số tiền còn lại 12.000.000 đồng C hưởng lợi. Sau đó chị T bỏ trốn khỏi nhà chồng, nên người đàn ông Trung Quốc đến gặp C đòi lại 24.000 nhân dân tệ, C đòi lại Tiên 5.000.000 đồng và đòi lại số tiền đưa cho gia đình chị T nhưng gia đình chị T chưa trả cho C. Hiện chị T đang ở Trung Quốc chưa làm việc được.

Kết quả thu giữ vật chứng:

1 Thu giữ của bị cáo Ngô Thị C:

- 04 vé xe khách ngày 16/01/2018 của HTX Vận tải dịch vụ và Du lịch Sài Gòn các vé có số: 0018569, 0018571; 0018572.

- 01 giấy thông hành xuất nhập cảnh số H0046885, mang tên Ngô Thị C.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A59m, màu hồng phấn số Imel 1: 862634038980192; Imel 2: 86263438980184 đã qua sử dụng.

- 27 tờ tiền Trung Quốc có mệnh giá 100 (chưa kiểm tra thật giả).

- 02 Card Visit nhà xe công ty TNHH Duyệt Thuỷ, Công ty TNHH An Bình.

- 01 tờ giấy có ghi chữ và số bằng mực đen.

- Tiền Việt Nam 1.500.000 đồng.

2. Thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị T:

- 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung màu đen, số Imel: 355755/08/143400/3.

- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T số 291037619.

- 01 sổ hộ chiếu số C0820713 mang tên Nguyễn Thị T.

- 01 Sổ hộ chiếu số C0933534 mang tên Nguyễn Thị Cẩm Nhung.

3. Thu giữ của bị cáo Đoàn Thị S:

- 01 thẻ đa năng mang tên Đoàn Thị S số thể 9704151510411359 của Ngân hàng Vietin Bank.

4. Thu giữa của bị cáo Đoàn Thị S1:

- 01 điện thoại di động hiệu HTC số Imel 1: 352731085570939; Số Imel 2: 352731085626939.

Đối với các chị Nguyễn Thị Kiều O, Kiều Mộng T, Nguyễn Thị Cẩm N, Nguyễn Thị Cẩm N1, Lương Kim N, Triệu Thị T hiện không rõ địa chỉ không làm việc được nên không có cơ sở xem xét.

Đối với Kiều Mộng Nữ (Thắm) con dâu của bị cáo C, chị Nữ không được hưởng lợi nên không cấu thành tội phạm.

Đối với Trần Thị S2 có hành vi môi giới Triệu Thị T cho bị cáo C đưa sang Trung Quốc gả bán nhưng chưa xác định được nhân thân địa chỉ của chị T nên không đủ cơ sở để xử lý Trần Thị S2, khi nào xác định được xử lý sau.

Tại Bản cáo trạng số: 59/CT-VKSTC ngày 31/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Ngô Thị C tội "Mua bán người" theo các điểm a, d, đ, e khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Nguyễn Thị

T tội "Mua bán người" theo các điểm a, d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Đoàn Thị S tội "Mua bán người" theo các điểm a, d, đ, e khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Đoàn Thị S1 tội "Mua bán người" theo điểm a, d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quyết định truy tố và các điểm, khoản, điều luật áp dụng truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh: Tuyên bố các bị cáo Ngô Thị C, Nguyễn Thị T, Đoàn Thị S và Đoàn Thị S1 phạm tội "Mua bán người".

Căn cứ điểm điểm a, d, đ, e khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị C từ 12 đến 14 năm tù.

Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 10 đến 12 năm tù.

Căn cứ điểm a, d, đ, e khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị S từ 09 đến 11 năm tù.

Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị S1 từ 08 đến 10 năm tù.

Buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên các bị cáo nói lời nói sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện:

Bị cáo Ngô Thị C lấy chồng và xuất cảnh sang Trung Quốc từ năm 2010, bị cáo biết nhiều người đàn ông Trung Quốc muốn lấy vợ người Việt Nam; bị cáo thường xuyên về Việt Nam để trực tiếp tuyển mộ các phụ nữ Việt Nam, đồng thời cấu kết với các bị cáo Nguyễn Thị T, Đoàn Thị S, Đoàn Thị S1 tuyển mộ phụ nữ Việt Nam đưa sang Trung Quốc bán cho những người đàn ông Trung Quốc mua về làm vợ với số tiền 90.000.000 đồng/01 phụ nữ; bị cáo C đưa cho gia đình những phụ nữ bán được từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng, trả tiền công cho người giới thiệu 5.000.000 đồng/ 01 phụ nữ, số còn lại bị cáo chi phí đưa các phụ nữ sang Trung Quốc và thu lợi cá nhân, bị cáo C trực tiếp tuyển 06 phụ nữ, bán 06 lần, nhưng chỉ làm việc 02 người bị hại là Hứa Thị Lệ X, Nguyễn Thị Đ còn những người phụ nữ khác không làm việc được. Thông qua bị cáo T, bị cáo S và bị cáo S1 đưa chị Lê Thị Mai D, Trần Thị Diễm M và chị Trần Thị Y sang Trung Quốc bán cho những đàn ông Trung Quốc mua làm vợ. Như vậy bị cáo C trực tiếp tuyển mộ và thông qua các bị cáo T, S, S1 đưa 05 phụ nữ sang bán cho đàn ông Trung Quốc.

Bị cáo Nguyễn Thị T trực tiếp tuyển mộ giao cho bị cáo C 02 lần, mỗi lần 01 người là Nguyễn Thị Cẩm N1 và Lê Thị Mai D, nhưng chưa làm việc được với chị N.

Bị cáo Đoàn Thị S trực tiếp tuyển mộ chị Trần Thị Diễm M và chị Trần Thị Y giao cho bị cáo C dưa sang Trung Quốc, ngày bắt quả tang chị Y về nước và cùng bị cáo C sang lại Trung Quốc thì bị bắt.

Bị cáo Đoàn Thị S1 cùng bị cáo S tuyển mộ giao cho bị cáo C đưa sang Trung Quốc chị Trần Thị Y. Ngày 16/01/2018 bị cáo Ngô Thị C tổ chức đưa Trần Thị Diễm M, Trần Thị Y và Nguyễn Thị Đ sang Trung Quốc bán thì bị Công an tỉnh Tây Ninh phối hợp với Cục cảnh sát hình sự Bộ công an bắt quả tang tại Bến xe Miền Đông phường 26, quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh; chị Lê Thị Mai D trốn về Việt Nam làm đơn tố cáo. Hành vi của các bị cáo Ngô Thị C, Nguyễn Thị T, Đoàn Thị S Đoàn Thị S1 đã cấu thành tội "Mua bán người" theo Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến danh dự nhân phẩm phụ nữ Việt Nam, xem phụ nữ như hàng hóa dùng để trao đổi, mua bán lấy tiền, làm ảnh hưởng đế thuần phong mỹ tục, truyền thống người phụ nữ Việt Nam, các bị cáo nhận thức việc tuyển mộ, giới thiệu những người phụ nữ Việt Nam đưa sang Trung Quốc để những người đàn ông xem mặt, lựa chọn mua về làm vợ là sai trái nhưng cố tình thực hiện trong thời gian rất dài, mua bán nhiều phụ nữ đề thu lợi cá nhân, đưa các cô gái sang nước ngoài trái phép, đến biên giới có người đón và nghỉ dài ngày tại nhà chồng bị cáo C ở Trung Quốc, sau đó bán mỗi phụ nữ giá từ 24.000 đến 30.000 nhân dân tệ tương đương 72.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng tiền Việt Nam, lấy tiền gửi về gia đình những người bị hại từ

50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng, trừ chi phí ăn uống, đi lại, mua sắm đồ, tiền công người giới thiệu số còn lại bị cáo C hưởng lợi mỗi phụ nữ bán được từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Do đó cần phải xử thật nghiêm mới tính răn đe và phòng ngừa.

[4] Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có sự thỏa thuận, thống nhất về tuyển mộ, tuyển chọn các phụ nữ, giá cả, thời gian, địa điểm tiếp nhận và chuyển giao để đưa sang Trung Quốc trái phép bán hưởng lợi. Bị cáo Ngô Thị C trực tiếp tuyển chọn và thông qua việc giới thiệu của bị cáo Nguyễn Thị T, Đoàn Thị S và Đoàn Thị S1 đã đưa tổng cộng 11 cô gái Việt Nam sang Trung Quốc bán, nhưng qua điều tra chứng minh được bị cáo C thực hiện mua bán 05 bị hại là Hứa Thị Lệ X, Lê Thị Mai D, Trần Thị Y, Trần Thị Diễm M và Nguyễn Thị Đ hưởng lợi 36.000.000 đồng, những người khác không làm việc được nên không xử lý trong vụ án này; bị Nguyễn Thị T giới thiệu cho bị cáo C 02 phụ nữ là Lê Thị Mai D và Nguyễn Thị Cẩm N, nhưng không làm việc được chị N, thu lợi bất chính 5.000.000 đồng; bị cáo S tuyển mộ và giới thiệu cho bị cáo C 02 người là chị Trần Thị Diễm M và chị Trần Thị Y hưởng lợi 1.000.000 đồng; bị cáo S2 cùng bị cáo S tuyển mộ giao cho bị cáo C 01 người là chị Trần Thị Y hưởng lợi 3.520.000 đồng. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tổ chức, đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bị cáo C thực hiện đưa 05 phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc trái phép, bị cáo S tuyển mộ 02 phụ nữ; bị cáo C và bị cáo S thực hiện nhiều lần và nhiều người, bị cáo T và bị cáo S1 tuyển mộ 01 phụ nữ giao cho bị cáo C đưa sang Trung Quốc bán cho những người đàn ông Trung Quốc mua làm vợ thu lợi bất chính. Như vậy Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Ngô Thị C và bị cáo Đoàn Thị S tội "Mua bán người" theo các điểm a, d, đ, e khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Nguyễn Thị T và bị cáo Đoàn Thị S1 tội "Mua bán người" theo các điểm a, d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Xét vai trò của từng bị cáo: Bị cáo Ngô Thị C là người chủ mưu, trực tiếp tuyển mộ và thông qua giới thiệu của các bị cáo trong vụ án 04 lần đưa 05 phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc trái phép bán lấy tiền hưởng lợi 36.000.000 đồng, nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án.

Đối với bị cáo Đoàn Thị S tuyển mộ và giới thiệu cho bị cáo C đưa 02 phụ nữ sang Trung Quốc bán hưởng lợi 1.000.000 đồng, bị cáo giữ vai trò thứ hai sau bị cáo C.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị T và bị cáo Đoàn Thị S1 tuyển mộ và giới thiệu 01 phụ nữ giao cho bị cáo C đưa sang Trung Quốc bán lấy tiền bị cáo Tâm hưởng lợi 5.000.000 đồng, bị cáo Sanh hưởng lợi 3.520.000 đồng nên có mức án tương xứng với hành vị mà bị cáo gây ra.

[6] Khi quyết dịnh hình phạt có xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ: Tất các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết tặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Do các bị cáo dân lao động nghèo, không nghề nghiệp, không có thu nhập nên miễm hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7] Biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Ngô Thị C nộp lại số tiền thu lợi bất chính 36.000.000 đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Thị T nộp lại 5.000.000 đồng; bị cáo Đoàn Thị S nộp lại 1.000.000 đồng, bị cáo Đoàn Thị S1 nộp lại 3.520.000 đồng sung vào Ngân sách Nhà nước.

Ghi nhận các bị hại không yêu cầu bồi thường.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 04 vé xe khách ngày 16/01/2018 của Hợp tác xã vận tải DV và DL Sài Gòn các vé số: 0018569, 0018571, 0018572; 0018570; 02 (hai) card Visit nhà xe Công ty TNHH Duyệt Thủy, Công ty TNHH An Bình và 01 (một) tờ giấy có ghi chữ và số bằng màu mực đen đưa hồ sơ vụ án làm chứng cứ.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A59m, màu hồng phấn của bị cáo C số Imel 1: 86263403898192; số Imel 2: 862634038980184.

- Trả cho bị cáo C 27 (hai mươi bảy) tờ tiền Trung Quốc có mệnh giá 100 (chưa kiểm tra thật giả) và 1.500.000 đồng tiền Việt nam, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án, trả 01 giấy thông hành xuất nhập cảnh số H0046885, mang tên Ngô Thị C.

- Trả cho bị cáo Tâm 01 máy tính bảng nhãn hiệu SamSung màu đen, số Imel: 355755/08/143400/3; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T số 291037619; 01 sổ hộ chiếu số C0820713 mang tên Nguyễn Thị T.

Tịch thu tiêu hủy 01 sổ hộ chiếu số C0933534 tên Nguyễn Thị Cẩm Nhung do không xác định chị Nhung đang ở đâu.

Trả cho Đoàn Thị S 01 thẻ đa năng mang tên Đoàn Thị S số thẻ 9704151510411359 của Ngân hàng Vietin BanK.

Trả cho Đoàn Thị S1 01 điện thoại di động hiệu HTC số Imel 1: 352731085570939; Số Imel 2: 352731085626939.

[8] Về án phí mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, d, đ, e khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Ngô Thị C: 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 16/01/2018.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị S: 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 16/01/2018.

Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T: 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 16/01/2018.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị S1: 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 16/01/2018.

Bị cáo Ngô Thị C, Nguyễn Thị T, Đoàn Thị S và Đoàn Thị S1 bị xét xử về tội "Mua bán người".

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Ngô Thị C, Đoàn Thị S, Nguyễn Thị T và Đoàn Thị Tâm.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ghi nhận các bị hại trong vụ án không yêu cầu bồi thường.

Buộc bị cáo Ngô Thị C nộp lại số tiền thu lợi bất chính 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Thị T nộp lại 5.000.000 (năm triệu) đồng; bị cáo Đoàn Thị S nộp lại 1.000.000 (một triệu) đồng, bị cáo Đoàn Thị S1 nộp lại 3.520.000 (ba triệu năm trăm hai chục ngàn) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- 04 vé xe khách ngày 16/01/2018 của Hợp tác xã vận tải DV và DL Sài Gòn các vé số: 0018569, 0018571, 0018572; 0018570; 02 (hai) card Visit nhà xe Công ty TNHH Duyệt Thủy, Công ty TNHH An Bình và 01 (một) tờ giấy có ghi chữ và số bằng màu mực đen đưa hồ sơ vụ án làm chứng cứ.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A59m, màu hồng phấn của bị cáo C số Imel 1: 862634038981 92; số Imel 2: 862634038980184.

- Trả cho bị cáo C 27 (hai mươi bảy) tờ tiền Trung Quốc có mệnh giá 100 (chưa kiểm tra thật giả) và 1.500.000 đồng tiền Việt nam, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án, trả 01 giấy thông hành xuất nhập cảnh số H0046885, mang tên Ngô Thị C.

- Trả cho bị cáo Tâm 01 máy tính bảng nhãn hiệu SamSung màu đen, số Imel: 355755/08/143400/3; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T số 291037619; 01 sổ hộ chiếu số C0820713 mang tên Nguyễn Thị T.

Tịch thu tiêu hủy 01 sổ hộ chiếu số C0933534 tên Nguyễn Thị Cẩm Nhung do không xác định chị Nhung đang ở đâu.

Trả cho Đoàn Thị S 01 thẻ đa năng mang tên Đoàn Thị S số thẻ 9704151510411359 của Ngân hàng Vietin BanK.

Trả cho Đoàn Thị S1 01 điện thoại di động hiệu HTC số Imel 1: 352731085570939; Số Imel 2: 352731085626939.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Ngô Thị C, Đoàn Thị S, Nguyễn Thị T, Đoàn Thị S1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo Ngô Thị C, Nguyễn Thị T, Đoàn Thị S và Đoàn Thị S1 được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại trong vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bàn án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CCTHADS huyện Tân Châu;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- THA phạt tù;
- CQ điều tra CA huyện Tân Châu;
- Sở tư pháp;
- Nhà tạm giữ CA huyện Tân Châu.
- VP Công an huyện Tân Châu;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Văn Cường